

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LV
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2023/DS-ST

Ngày: 27-7-2023

“V/v tranh chấp dân sự ranh giới QSDĐ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LV, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt

2. Bà Nguyễn Thị Phụng

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Khánh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện LV.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LV tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huy – Kiểm sát viên.

Vào ngày 27/7/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 258/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2019, về việc “Tranh chấp dân sự ranh giới quyền sử dụng đất”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2023/QĐXXST-DS, ngày 06/7/2023 giữa.

1. **Nguyên đơn:** Ông Trịnh Hữu S, sinh năm 1964. Địa chỉ cư trú: Số 430, ấp Tân Bình, xã Tân Khánh Trung, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

2. **Bị đơn:**

2.1. Ông Trần Văn Ph, sinh năm 1968. Địa chỉ cư trú: Số 425, ấp Tân Bình, xã Tân Khánh Trung, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của anh Phụng có anh Trần Ngọc P, sinh năm 1980. Địa chỉ cư trú: Số 428A, ấp Tân Bình, xã Tân Khánh Trung, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 12/01/2022).

2.2. Anh Trần Ngọc P, sinh năm 1980; Địa chỉ cư trú: Số 428A, ấp Tân Bình, xã Tân Khánh Trung, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Trịnh Ngọc Đ, sinh 1956. Địa chỉ cư trú: Ấp Hưng Trung, xã Đào Hữu Cảnh, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của bà Trịnh Ngọc Đ: Ông Trịnh Hữu S, sinh năm 1964, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 03/7/2019).

3.2. Ông Trịnh Tấn L, sinh năm 1959; Địa chỉ cư trú: Ấp Tân Bình, xã Tân Khánh Trung, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông Trịnh Tấn L: Ông Trịnh Hữu S, sinh năm 1964, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 28/6/2019).

3.3. Bà Trịnh Thị Đ, sinh năm 1961. Địa chỉ cư trú: Ấp Khánh Mỹ B, xã Tân Khánh Trung, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà Trịnh Thị Đ: Ông Trịnh Hữu S, sinh năm 1964, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 05/7/2019).

3.4. Bà Trịnh Thị Ngọc H, sinh năm 1970; Địa chỉ cư trú: Ấp Đông Giang, xã Tân Khánh Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà Trịnh Thị Ngọc H: Ông Trịnh Hữu S, sinh năm 1964, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 04/7/2019).

3.5. Chị Trịnh Thị D, sinh năm 1989;

3.6. Chị Trịnh Thị Thúy N, sinh năm 1993;

3.7. Chị Trịnh Thị Cà C, sinh năm 2002.

Cùng địa chỉ cư trú: Số 430, ấp Tân Bình, xã Tân Khánh Trung, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của chị Trịnh Thị D, Trịnh Thị Thúy N, Trịnh Thị Cà C: Ông Trịnh Hữu S, sinh năm 1964; Địa chỉ cư trú: Số 430, ấp Tân Bình, xã Tân Khánh Trung, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 20/01/2022).

3.8. Bà Lê Thị Út, sinh năm 1970; Địa chỉ cư trú: Số 430, ấp Tân Bình, xã Tân Khánh Trung, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

3.9. Bà Lê Thị Mỹ G, sinh năm 1969;

3.10. Anh Trần Minh T, sinh năm 1994;

Cùng địa chỉ cư trú: Số 425, ấp Tân Bình, xã Tân Khánh Trung, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

3.11. Chị Trần Thị Thu C, sinh năm 1982;

3.12. Chị Trần Thị Hồng G, sinh năm 2003;

Cùng địa chỉ cư trú: Số 428A, ấp Tân Bình, xã Tân Khánh Trung, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà Giàu, anh Tiến, chị Cúc, chị Gấm có anh Trần Ngọc P, sinh năm 1980; Địa chỉ cư trú: Số 428A, ấp Tân Bình, xã Tân

Khánh Trung, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 12/01/2022).

Ông Sướng, anh Phú và bà Út có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/5/2019; đơn khởi kiện bổ sung ngày 11/11/2019; biên bản tiếp cận, công khai chứng cứ ngày và hòa giải ngày 21/01/2022, ngày 13/01/2023 và tại phiên tòa ông Trịnh Hữu S là nguyên đơn trình bày:

Ông Sđang sử dụng thửa đất số 1303, tờ bản đồ số 02 loại đất ONT và LNK chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không xác định được diện tích. Nguồn gốc là của cha mẹ ruột ông Stên Trịnh Quang Long và bà Nguyễn Thị Hai sử dụng trước năm 1975, nay cha mẹ ông Sđã chết. Ông Slà người được tiếp tục sử dụng phần đất này, liền kề với nhà và đất của ông Slà nhà và đất của ông Trần Văn Ph và Trần Ngọc Phú. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trần Văn Ph đứng tên, tại thửa số 414 tờ bản đồ số 02 theo tờ bản đồ 299 (theo bản đồ chính quy thuộc thửa đất số 314, tờ bản đồ số 28, diện tích là 1.002m² gồm: 300m², đất ONT & 700,2m² đất CLN); thửa đất số 413 tờ bản đồ số 02 theo tờ bản đồ 299 (theo bản đồ chính quy thuộc thửa đất số 282, tờ bản đồ số 28, diện tích là 2.858m² loại đất lúa). Từ trước đến nay ranh đất của ông Svới đất của ông Trần Văn Ph được xác định là con mương do cha ông Slà ông Long đào chạy dài từ phía sau hè nhà Trần Ngọc Phú chạy dài đến hết đất của ông Scấp với đất của ông Trần Văn Ph. Quá trình sử dụng đất ông Phụng và ông Phú đã lấn chiếm đất của ông Scụ thể theo đơn khởi kiện và khởi kiện bổ sung ông Sxác định: Ông Trần Văn Ph đã lấn chiếm đất của ông Sdiện tích 92,9m² là con mương lạng, ông Trần Ngọc Phú đã lấn chiếm đất diện tích 17,3m² xây dựng căn nhà bếp theo đơn khởi kiện của ông Sướng).

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/03/2021 và sơ đồ đo đạc ngày 20/9/2022 diện tích tranh chấp được xác định là: 70,4 m² của 02 thửa đất: Tại thửa số 414 tờ bản đồ số 02 (nay là thửa đất số 314, tờ bản đồ số 28) diện tích là: 64,1m² trong đó có nhà bếp của Trần Ngọc Phú diện tích là 10,9m²; Thửa đất số 413 tờ bản đồ số 02 (nay là thửa đất số 282, tờ bản đồ số 28) diện tích: 6,3m². Phần diện tích tranh chấp tổng cộng là: 70,4m² bao gồm:

Phần thứ nhất: Diện tích tranh chấp là: 35,1m² thể hiện ở các mốc (M1, M10, M11, M7, M8, M9 về M1).

Phần thứ hai: Diện tích tranh chấp là: 29m² thể hiện ở các mốc (M2, M3, M4, M5, M11, M10, M1 và M2). Trong đó có diện tích 10,9m² là căn nhà bếp của Trần Ngọc Phú.

Phần thứ ba: Diện tích tranh chấp là: 1,9m² thể hiện ở các mốc (M5, M6, M11 về M5).

Phần thứ tư: Diện tích tranh chấp là: 4,4m² thể hiện ở các mốc (M6, M7, M11 về M6).

Nay ông Syêu cầu hộ ông Phụng trả lại cho ông Sdiện tích đã lấn chiếm là 59,5m² trong diện tích tranh chấp 70,4m² của thửa đất số 314 và thửa số 282. Ông Syêu cầu hộ ông Phú phải tháo dỡ di dời một phần căn nhà bếp trả lại cho ông Sdiện tích 10,9m² của thửa đất số 314, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/03/2021 và sơ đồ đo đạc ngày 20/9/2022.

Ông Syêu cầu xác định ranh đất giữa ông Svới ông Trần Văn Ph, ông Trần Ngọc Phú tính từ các mốc: M3, M4, M5, M6 theo sơ đồ đo đạc ngày 20/9/2022. Ông Sthống nhất với sơ đồ đo đạc ngày 20/9/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện LV và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/03/2021 của Tòa án; thống nhất biên bản định giá tài sản ngày 06/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện LV.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Ông Scăn cứ vào quá trình sử dụng đất của ông để khởi kiện, ngoài ra không còn chứng cứ nào khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/12/2022; biên bản tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải ngày 21/01/2022, ngày 13/01/2023 và tại phiên tòa anh Trần Ngọc P đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn Ph trình bày:

Ông Trần Văn Ph là chú ruột anh Phú đang sử dụng 02 thửa đất gồm: Thửa số 414 tờ bản đồ số 02 theo tờ bản đồ 299 (theo bản đồ chính quy thửa đất số 314, tờ bản đồ số 28, diện tích là 1.002m² gồm 300m² đất ONT & 700,2 m² đất CLN); thửa đất số 413 tờ bản đồ số 02 theo tờ bản đồ 299 (theo bản đồ chính quy thửa đất số 282, tờ bản đồ số 28, diện tích là 2.858m² loại đất lúa), được UBND huyện LV cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 05/9/2012 (cấp đổi lần thứ 2) trên phần đất này ông Phụng có cho anh Phú xây dựng một căn nhà để ở nhưng quyền sử dụng đất do ông Phụng đứng tên, liền kề với nhà và đất của anh Phú và ông Phụng là đất của ông Trịnh Hữu S thuộc thửa số 1303, tờ bản đồ số 02 hiện tại ông Schura được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ trước đến nay ranh đất giữa ông Phụng với ông Sướng, phía cặp nhà bếp của anh Phú được xác định tính từ vách nhà bếp của anh Phú sang đất của ông Slà 0,91m, anh của ông Slà ông Lợi và mẹ của ông Slà bà Hai đã đóng một trụ đá làm ranh hiện nay vẫn còn, không hề dính vào vách nhà của anh Phú. Phía sau là con mương lạng chạy dài ra phía sau hè để làm ranh giữa ông Svới ông Phụng.

Trước đây ông Stranh chấp ranh đất với ông Phụng và ông Sđược UBND xã Tân Khánh Trung giải quyết có đo đạc và đóng trụ đá xong rồi, hiện trụ đá vẫn còn. Sau đó ông Sthay đổi ý kiến, đòi đo qua từ trụ đá sang đất ông Phụng từ 01m đến 02m làm ranh thì ông Phụng không đồng ý, nên ông Stiếp tục thưa kiện ông Phụng và anh Phú ra Tòa án.

Nay ông Syêu cầu hộ ông Phụng trả lại diện tích đã lấn chiếm là: 59,5m² của thửa đất số 314 và 282; yêu cầu hộ của anh Phú phải tháo dỡ di dời một phần căn nhà bếp trả lại cho ông Sdiện tích 10,9m² của thửa đất số 314, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/03/2021 và sơ đồ đo đạc ngày 20/9/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện LV. Anh Phú không đồng ý theo yêu cầu của ông Sướng. Anh Phú xác định từ trước đến nay anh Phú và ông Phụng sử dụng đất đúng với diện tích mà ông Phụng được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chứ không hề lấn chiếm đất của ông Sướng.

Tại phiên tòa, anh Phú xác định khi ông Phụng cho đất anh Phú cất nhà thì phần nhà phía trước anh có chừa ra 0,4m tính từ vách nhà anh đo ra về phía ranh đất của ông Sướng. Theo sơ đồ đo đạc gốc nhà trước của anh là M2 đo về trụ đá M1 giáp đất ông Phụng, đất ông Svà đất anh Thắng (đất anh Thắng do ông Sbán) là 0,91m. Nay anh đồng ý xác định lại ranh đất giữa đất ông Phụng và đất ông Stại điểm này, cụ thể là từ gốc nhà M2 đo ra 0,4m xác định điểm mốc A là ranh đất. Như vậy, ranh đất giữa ông Phụng với ông Trịnh Hữu S tính từ các mốc: M2 đo qua 0,4m xác định mốc A, M10, M11 đến M6 theo sơ đồ đo đạc ngày 20/9/2022.

Anh Phú thống nhất với sơ đồ đo đạc ngày 20/9/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện LV và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/03/2021 của Tòa án; thống nhất biên bản định giá tài sản ngày 06/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện LV.

Chứng cứ chứng minh: Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phụng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Út trình bày: Bà Út là vợ của ông Sướng, hiện nay bà Út đang quản lý và sử dụng đất chung với ông Sướng. Bà Út thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông Skhông có yêu cầu bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Ngọc Đ, ông Trịnh Tấn L, bà Trịnh Thị Đ, bà Trịnh Thị Ngọc H, chị Trịnh Thị D, chị Trịnh Thị Thúy N, chị Trịnh Thị Cà C ủy quyền cho ông Trịnh Hữu S trình bày: Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông Sướng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Mỹ G, anh Trần Minh T, Chị Trần Thị Thu C, chị Trần Thị Hồng G ủy quyền cho anh Trần Ngọc P trình bày: Thống nhất với lời trình bày của anh Phú đại diện theo ủy quyền của ông Phụng và anh Phú.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử đều đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Sướng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì Tòa án xác định quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Tranh chấp về dân sự ranh giới quyền sử dụng đất”, đất tranh chấp và địa chỉ của bị đơn tại huyện LV, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện LV, theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung tranh chấp:

[2.1] Nguồn gốc đất ông Sđang quản lý và tranh chấp thửa 1303, tờ bản đồ số 02 loại đất ONT và LNK là của cha mẹ ruột ông Stên Trịnh Quang Long và bà Nguyễn Thị Hai sử dụng trước năm 1975, ông Long (chết năm 1989), bà Hai (chết năm 2010) không để lại di chúc. Khi khởi kiện thì ông Sđứng đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đưa hàng thừa kế của ông Long và bà Hai là anh chị em của ông Svào tham gia tố tụng với tư cách là người liên quan và những người này đã ủy quyền cho ông Scó toàn quyền quyết định trong vụ tranh chấp ranh đất với ông Phụng.

[2.2] Theo xác nhận ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân xã Tân Khánh Trung thì thửa 1303, tờ bản đồ số 02, sổ mục kê không ghi tên ai sử dụng và không ghi diện tích (theo bản đồ địa chính chính quy thửa đất số 281, tờ bản đồ số 28), trên thực tế thửa đất này do ông Trịnh Hữu S đang quản lý và sử dụng, thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.3] Phần đất của ông Phụng thửa số 414 tờ bản đồ số 02 theo tờ bản đồ 299 (theo bản đồ chính quy thửa đất số 314, tờ bản đồ số 28, diện tích là 1.002m² gồm 300m² đất ONT & 700,2 m² đất CLN); thửa đất số 413 tờ bản đồ số 02 theo tờ bản đồ 299 (theo bản đồ chính quy thửa đất số 282, tờ bản đồ số 28, diện tích là 2.858m² loại đất lúa), được UBND huyện LV cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 05/9/2012.

[2.4] Tại Công văn số 82/UBND-NC, ngày 08/7/2021 của UBND huyện LV cũng xác định thửa số 414 tờ bản đồ số 02 theo tờ bản đồ 299, theo bản đồ

chính quy thửa đất số 314, tờ bản đồ số 28; thửa đất số 413 tờ bản đồ số 02 theo tờ bản đồ 299, theo bản đồ chính quy thuộc thửa đất số 282, tờ bản đồ số 28. Theo sơ đồ đo đạc đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện LV thì 02 thửa đất của ông Phụng đang sử dụng thiếu 629m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp.

[2.5] Theo anh Phú, người được ông Phụng ủy quyền thì quá trình sử dụng đất mẹ ông Scó cắm trụ đá xác định ranh với ông Phụng và trụ đá hiện nay vẫn còn. Còn ông Sthì cho rằng trong quá trình sử dụng đất ông Phụng và anh Phú đã lấn qua phần đất của ông đang quản lý sử dụng, diện tích lấn đúng theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện LV, tuy nhiên ông Skhông xác định được diện tích đất của ông đang sử dụng là bao nhiêu và theo hồ sơ quản lý đất đai (sổ mục kê) thể hiện thửa 1303, tờ bản đồ số 02 không có ghi tên người sử dụng và diện tích. Tại phiên tòa, ông Scũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc ông Phụng và anh Phú lấn đất của ông. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Sướng.

[2.6] Phần đất của ông Phụng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2005. Đến năm 2012 được Ủy ban nhân dân huyện LV cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Văn Ph với diện tích 1002m² thuộc thửa 314, tờ bản đồ số 28, giấy số BG 827889, sổ vào sổ CH00889 và diện tích 2858m², thuộc thửa 282, tờ bản đồ số 28, giấy số BG 827888, sổ vào sổ CH00888. Như vậy, việc hộ ông Phụng được cơ quan có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.7] Xét việc xác định ranh đất của anh Phú tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với hiện trạng sử dụng thực tế của các bên và phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận việc xác định ranh đất của anh Phú. Ranh đất giữa đất ông Phụng với phần đất ông Trịnh Hữu S đang quản lý tính từ các mốc: M2 đo qua 0,4m xác định mốc A, M10, M11 đến M6 theo sơ đồ đo đạc ngày 20/9/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện LV.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[4] Tiền án phí dân sự sơ thẩm: Do ông Skhông được chấp nhận yêu cầu, nên ông Sphải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá: Ông Sphải chịu tổng cộng là 8.691.000đồng (Tám triệu sáu trăm chín mươi một nghìn đồng) (đã thu và chi xong).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 95, Điều 166, Điều 170, Điều 179, Điều 203 Luật đất đai; Điều 166 Bộ luật Dân sự; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Hữu S.
2. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất ông Trần Văn Ph thừa số 414 tờ bản đồ số 02 theo tờ bản đồ 299, theo bản đồ chính quy thửa đất số 314, tờ bản đồ số 28; thửa đất số 413 tờ bản đồ số 02 theo tờ bản đồ 299, theo bản đồ chính quy thửa đất số 282, tờ bản đồ số 28 và đất ông Trịnh Hữu S đang quản lý (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) thửa 1303, tờ bản đồ số 02 bản đồ 299, đối chiếu bản đồ địa chính chính quy thửa đất số 281, tờ bản đồ số 28 thể hiện tính từ các mốc: M2 đo qua 0,4m xác định mốc A, M10, M11 đến M6 theo sơ đồ đo đạc ngày 20/9/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện LV.
2. Nối mốc A đến M10, M11 và M6 thành các đoạn thẳng là ranh đất giữa đất ông Trần Văn Ph và đất ông Trịnh Hữu S đang quản lý. Ranh đất được xác định từ không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng. Người sử dụng đất chỉ được trồng cây và làm các việc khác trong khuôn viên đất thuộc quyền sử dụng của mình và theo ranh giới đã được xác định.
3. Ông Trần Văn Ph được đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký biến động theo diện tích đo đạc thực tế trên sơ đồ đo đạc ngày 20/9/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện LV.
4. Tiền án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trịnh Hữu S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông S đã nộp theo biên lai thu số BH/2018/0002770 ngày 20/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LV.
5. Tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tổng cộng là 8.691.000 đồng (Tám triệu sáu trăm chín mươi một nghìn đồng) ông S chịu (đã thu và chi xong).

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự;

Nơi nhận:

- VKSND huyện LV;
- TAND tỉnh DT;
- Các đương sự;
- Lưu VPTA-HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hằng